ỦY BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
XÃ GLAR	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22 /TB-UBND	*Glar, ngày 05 tháng 10 năm 2020*

THÔNG BÁO

V/v Công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã quý III năm 2020

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Thực hiện thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Uỷ ban nhân dân xã Glar thông báo công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã quý III năm 2020 *(Các biểu kèm theo)./.*

Nơi nhận:
- TT Đảng uỷ xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Các ban ngành, đoàn thể xã (b/c);
- Trang TTĐT xã;
- Lưu VT-KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ GLAR H. ĐAK ĐOA T. GIA LAI

Thái Văn Hưng

Ủy ban nhân dân xã Glar
Huyện Đak Đoa, Tỉnh Gia Lai
19.10.2020 09:32:27 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GLAR

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2020

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2020	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**5.755.200.000**	**8.655.844.713**	**150,40**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	165.000.000	141.660.190	85,85
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	649.800.000	1.075.612.523	165,53
3	Thu bổ sung	4.940.400.000	5.516.530.000	111,66
	- Thu bổ sung cân đối	*4.228.700.000*	*3.171.530.000*	75,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	*711.700.000*	*2.345.000.000*	329,49
4	Thu chuyển nguồn	0	1.922.042.000	
4	Thu kết dư năm trước	0	0	
II	**TỔNG SỐ CHI**	**5.530.400.000**	**4.257.204.771**	**76,98**
1	Chi đầu tư phát triển	0	0	
2	Chi thường xuyên	5.429.400.000	4.257.204.771	78,41
3	Dự phòng	101.000.000		0,00

Glar, ngày 05 tháng 10 năm 2020

Người lập

Đoàn Thị Kim Mỹ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Văn Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GLAR

Biểu số 115/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2020

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	**5.530.400.000**	**0**	**5.530.400.000**	**4.257.204.771**	**0**	**4.257.204.771**	**76,98**		**76,98**
	Trong đó									
1	Chi đầu tư phát triển	0	0		0	0				
2	Chi giáo dục	22.489.000		22.489.000	12.693.500		12.693.500	56,44		56,44
3	Chi y tế	83.430.000		83.430.000	60.345.000		60.345.000	72,33		72,33
4	Chi văn hóa, thông tin	0			0					
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0			0					
6	Chi thể dục thể thao	52.000.000		52.000.000	35.912.000		35.912.000	69,06		69,06
7	Chi bảo vệ môi trường	165.000.000		165.000.000	130.167.000		130.167.000	78,89		78,89
8	Chi các hoạt động kinh tế	0			0					
9	Chi hộp trả kinh phí cấp trên	0								
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.911.361.000		4.911.361.000	3.994.467.271		3.994.467.271	81,33		81,33
11	Chi cho công tác xã hội	24.120.000		24.120.000	23.620.000		23.620.000	97,93		97,93
12	Chi khác	0		0	0					
13	Chi tiết kiệm 10%	171.000.000		171.000.000	0		0	0,00		0,00
14	Dự phòng ngân sách	101.000.000		101.000.000	0		0	0,00		0,00

Glar, ngày 05 tháng 10 năm 2020

Người lập

Đoàn Thị Kim Mỹ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Văn Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GLAR

Biểu số 114/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2020

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**5.996.400.000**	**5.755.200.000**	**9.013.776.327**	**8.655.844.713**	**150,32**	**150,40**
I	**Các khoản thu 100%**	**165.000.000**	**165.000.000**	**141.660.190**	**141.660.190**	**85,85**	**85,85**
1	Phí, lệ phí+ phí môn bài	51.000.000	51.000.000	38.144.000	38.144.000	74,79	74,79
2	Phí trước bạ nhà đất	81.000.000	81.000.000	84.204.489	84.204.489	103,96	103,96
3	Thu xử phạt hành chính	20.000.000	20.000.000	0	0	0,00	0,00
4	Thu khác của xã	0	0	0	0		
5	Thu xử phạt ATGT	13.000.000	13.000.000	9.950.000	9.950.000	76,54	76,54
9	Thu khác (thuế thu)	0	0	8.552.141	8.552.141		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0	809.560	809.560		
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**891.000.000**	**649.800.000**	**1.433.544.137**	**1.075.612.523**	**160,89**	**165,53**
1	Thuế giá trị gia tăng	35.000.000	10.500.000	64.741.370	19.422.411	184,98	184,98
2	Thuế thu nhập cá nhân	455.000.000	318.500.000	388.521.017	271.964.712	85,39	85,39
3	Tiền sử dụng đất	401.000.000	320.800.000	980.281.750	784.225.400	244,46	244,46
4	Thu thuế từ đất ở tại nông thôn	0		0			

III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**	**0**	**0**	**0**	**0**		
IV	**Thu chuyển nguồn**	**0**	**0**	**1.922.042.000**	**1.922.042.000**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**	0		**0**	**0**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.940.400.000**	**4.940.400.000**	**5.516.530.000**	**5.516.530.000**	**111,66**	**111,66**
1	- Thu bổ sung cân đối	4.228.700.000	4.228.700.000	3.171.530.000	3.171.530.000	75,00	75,00
2	- Thu bổ sung có mục tiêu	711.700.000	711.700.000	2.345.000.000	2.345.000.000	329,49	329,49

Glar, ngày 05 tháng 10 năm 2020

Người lập

Nguyễn Thế Vũ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Văn Hưng